

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ đại học cho sinh viên
LT, VLVH, VB2 đợt 2, năm học 2021 – 2022 (Tháng 12/2021)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hình thức vừa làm vừa học (ban hành theo Quyết định số 36/QĐ-BGDĐT, ngày 28/6/2007); Quy định về đào tạo cấp bằng đại học thứ 2 (Ban hành theo Quyết định số 22/QĐ-BGDĐT, ngày 26/6/2001); Quy định về đào tạo bằng tốt nghiệp thứ 2 trình độ đại học, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên (Ban hành theo Thông tư 10/2018, ngày 30/3/2018) của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2105/QĐ-ĐHHD, ngày 14/11/2017 về việc ban hành Quy định liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, với trình độ đại học tại Trường Đại học Hồng Đức; Quyết định số 2008/QĐ-ĐHHD, ngày 06/12/2019 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Biên bản họp ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên LT, VLVH, VB2 đợt 2, năm học 2021 – 2022 (Tháng 12/2021); Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ đại học cho 222 sinh viên. Trong đó, hình thức đào tạo chính quy là 221 sinh viên, hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 01 sinh viên; tốt nghiệp loại giỏi có 35 sinh viên, tốt nghiệp loại khá có 160 sinh viên, tốt nghiệp loại trung bình khá 01 sinh viên, tốt nghiệp loại trung bình có 26 sinh viên (có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3. Các ông (bà) Giám đốc TTGDTX, TP. QLĐT, trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, GDTX 

HIỆU TRƯỞNG


Bùi Văn Dũng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐÀO TẠO LT, VLVH, VB2
Đợt 2, năm học 2021 - 2022 (Tháng 12 năm 2021)

(Kèm theo QĐ số 2615/QĐ-ĐHHD, ngày 30/12/2021, của Hiệu trưởng Trường ĐHHD)

TT	TT ngành	TT lớp	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
		A	Đào tạo chính quy - Hệ điểm 4						
		I	Đại học Giáo dục Mầm non - cấp bằng cử nhân Giáo dục Mầm non						
		1	Đại học Giáo dục Mầm non K19B (Liên thông từ Trung cấp)						
1	1	1	167901T553	Phạm Phương Thảo	01.05.1996	Nữ	Thanh Hoá	3.31	Giỏi
2	2	2	167901T562	Mai Huyền Trang	15.09.1993	Nữ	Thanh Hoá	3.07	Khá
		2	Đại học Giáo dục Mầm non K20A (Liên thông từ Trung cấp)						
3	3	1	177901T033	Nguyễn Thị Hương	11.10.1993	Nữ	Thanh Hoá	3.21	Giỏi
4	4	2	177901T038	Phạm Thị Nga	12.12.1994	Nữ	Thanh Hoá	2.98	Khá
		3	Đại học Giáo dục Mầm non K20B1 (Liên thông từ Trung cấp)						
5	5	1	177901T581	Lò Thị Nhân	13.06.1997	Nữ	Thanh Hoá	3.03	Khá
6	6	2	177901T595	Tổng Thị Quỳnh	14.03.1997	Nữ	Thanh Hoá	3.02	Khá
7	7	3	177901T629	Trịnh Thị Thùy Trang	05.01.1995	Nữ	Thanh Hoá	3.07	Khá
		4	Đại học Giáo dục Mầm non K20B2 (Liên thông từ Trung cấp)						
8	8	1	177901T573	Nguyễn Thị Thiên Nga	16.12.1997	Nữ	Thanh Hoá	2.95	Khá
		5	Đại học Giáo dục Mầm non K21B (Liên thông từ Trung cấp)						
9	9	1	187901T516	Nguyễn Thị Linh	03.12.1993	Nữ	Thanh Hoá	2.99	Khá
10	10	2	187901T520	Lê Thị Nga	09.03.1995	Nữ	Thanh Hoá	3.13	Khá
		6	Đại học Giáo dục Mầm non K21C (Liên thông từ Trung cấp)						
11	11	1	187901T542	Hà Thị Thùy Dương	15.01.1990	Nữ	Thanh Hoá	3.15	Khá
12	12	2	187901T560	Phạm Thị Xuân Phương	29.08.1996	Nữ	Thanh Hoá	3.29	Giỏi
		7	Đại học Giáo dục Mầm non K22A (Liên thông từ Trung cấp)						
13	13	1	197901T013	Nguyễn Thị Hằng	17.04.1997	Nữ	Thanh Hoá	3.03	Khá
		8	Đại học Giáo dục Mầm non K22B1 (Liên thông từ Trung cấp)						
14	14	1	197901T506	Lê Thị Bình	26.05.1978	Nữ	Thanh Hoá	3.21	Giỏi
		9	Đại học Giáo dục Mầm non K22C (Liên thông từ Trung cấp)						
15	15	1	197901T601	Đậu Thùy Dương	13.07.1990	Nữ	Thanh Hoá	3.07	Khá
16	16	2	197901T602	Bùi Thị Thu Hằng	30.12.1991	Nữ	Thanh Hoá	3.24	Giỏi
17	17	3	197901T604	Lê Thị Hiệp	16.08.1983	Nữ	Thanh Hoá	2.94	Khá
18	18	4	197901T605	Bùi Thị Hương	08.11.1984	Nữ	Thanh Hoá	3.07	Khá
19	19	5	197901T606	Nguyễn Thị Linh	24.03.1992	Nữ	Thanh Hoá	3.21	Giỏi
20	20	6	197901T610	Nguyễn Thị Tâm	06.05.1985	Nữ	Thanh Hoá	3.21	Giỏi

TT	TT ngành	TT lớp	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
21	21	7	197901T612	Nguyễn Thị Trang	09.09.1990	Nữ	Thanh Hoá	3.25	Giỏi
22	22	8	197901T613	Nguyễn Thị Huyền Trang	02.10.1999	Nữ	Thanh Hoá	3.07	Khá
23	23	9	197901T614	Đào Huyền Trang	20.10.1990	Nữ	Thanh Hoá	3.19	Khá
24	24	10	197901T615	Lê Thị Xuân	20.11.1992	Nữ	Thanh Hoá	3.28	Giỏi
		10	Đại học Giáo dục Mầm non K22D (Liên thông từ Trung cấp)						
25	25	1	197901T801	Nguyễn Thị Anh	05.06.1987	Nữ	Thanh Hoá	3.29	Giỏi
26	26	2	197901T812	Phạm Thị Thảo	20.08.1988	Nữ	Thanh Hoá	3.25	Giỏi
27	27	3	197901T813	Lê Thị Thoa	03.02.1988	Nữ	Thanh Hoá	3.42	Giỏi
		11	Đại học Giáo dục Mầm non K21B (Liên thông từ Cao đẳng)						
28	28	1	187901C550	Đỗ Thị Bích Phương	19.08.1997	Nữ	Thanh Hoá	2.81	Khá
		12	Đại học Giáo dục Mầm non K22D (Liên thông từ Cao đẳng)						
29	29	1	197901C804	Bùi Thị Đăng	15.11.1981	Nữ	Thanh Hoá	2.60	Khá
30	30	2	197901C806	Nguyễn Thị Lệ	15.10.1996	Nữ	Thanh Hoá	2.95	Khá
31	31	3	197901C807	Nguyễn Thị Loan	22.12.1984	Nữ	Thanh Hoá	3.10	Khá
32	32	4	197901C812	Nguyễn Thị Thùy	25.10.1994	Nữ	Thanh Hoá	2.69	Khá
33	33	5	197901C814	Trần Minh Thư	06.09.1994	Nữ	Thanh Hoá	2.88	Khá
		13	Đại học Giáo dục Mầm non K23A (Liên thông từ Cao đẳng)						
34	34	1	207901C001	Đỗ Thị Quỳnh Dương	03.07.1991	Nữ	Thanh Hoá	3.45	Giỏi
35	35	2	207901C004	Nguyễn Thị Hằng	08.05.1989	Nữ	Thanh Hoá	3.27	Giỏi
36	36	3	207901C005	Trịnh Thị Hậu	08.02.1992	Nữ	Thanh Hoá	3.29	Giỏi
37	37	4	207901C006	Nguyễn Thị Hiền	11.10.1987	Nữ	Thanh Hoá	2.80	Khá
38	38	5	207901C008	Nguyễn Thị Trà My	01.01.1989	Nữ	Thanh Hoá	3.28	Giỏi
39	39	6	207901C010	Lê Thị Phụng	02.10.1993	Nữ	Thanh Hoá	2.81	Khá
40	40	7	207901C014	Hồ Thị Thu	10.01.1992	Nữ	Thanh Hoá	2.97	Khá
		II	Đại học Giáo dục Tiểu học - cấp bằng cử nhân Giáo dục Tiểu học						
		1	Đại học Giáo dục Tiểu học K22A (Liên thông từ Trung cấp)						
41	1	1	197900T002	Phan Thị Hà	27.10.1992	Nữ	Hà Nội	3.33	Giỏi
42	2	2	197900T003	Nguyễn Thị Hồng Nhung	16.06.1994	Nữ	Hà Nội	3.06	Khá
43	3	3	197900T004	Tạ Thị Tâm	09.11.1991	Nữ	Hà Nội	3.54	Giỏi
44	4	4	197900T005	Đinh Thị Thu Trang	07.03.1991	Nữ	Phú Thọ	3.12	Khá
45	5	5	197900T006	Đoàn Văn Vượng	19.09.1989	Nam	Hà Nội	2.92	Khá
		2	Đại học Giáo dục Tiểu học K22B2 (Liên thông từ trung cấp)						
46	6	1	197900T504	Tô Thị Lợi	15.10.1988	Nữ	Hà Nội	3.38	Giỏi
47	7	2	197900T505	Nguyễn Hải Yến	27.07.1989	Nữ	Hà Nội	3.26	Giỏi
		3	Đại học Giáo dục Tiểu học K22C ĐH (Liên thông từ Trung cấp)						
48	8	1	197900T614	Đỗ Thị Thủy	20.05.1982	Nữ	Thanh Hóa	2.16	Trung bình
49	9	2	197900T616	Nguyễn Thị Lương	19.07.1993	Nữ	Hà Nội	3.05	Khá

TT	TT ngành	TT lớp	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
50	10	3	197900T617	Phùng Thị Mai	04.04.1990	Nữ	Hà Nội	3.14	Khá
		4	Đại học Giáo dục Tiểu học K22D1 ĐH (Liên thông từ Trung cấp)						
51	11	1	197900T808	Lê Thị Nga	20.05.1977	Nữ	Thanh Hoá	2,53	Khá
		5	Đại học Giáo dục Tiểu học K22D2 ĐH (Liên thông từ Trung cấp)						
52	12	2	197900T819	Phạm Thị Nga	11.11.1972	Nữ	Thanh Hóa	2.14	Trung bình
		5	Đại học Giáo dục Tiểu học K22A (Liên thông từ Cao đẳng)						
53	13	1	197900C026	Phạm Minh Anh	10.12.1997	Nữ	Hà Nội	3.41	Giỏi
54	14	2	197900C027	Nguyễn Thu Hà	24.08.1995	Nữ	Hà Nội	3.17	Khá
55	15	3	197900C028	Bế Thị Him	25.11.1985	Nữ	Lạng Sơn	3.19	Khá
56	16	4	197900C029	Lê Thu Huệ	25.12.1990	Nữ	Hà Nội	3.08	Khá
57	17	5	197900C030	Nguyễn Thị Lan	21.10.1986	Nữ	Hà Nội	3.13	Khá
58	18	6	197900C031	Nguyễn Thị Lâm	18.10.1997	Nữ	Hà Nội	3.41	Giỏi
59	19	7	197900C032	Chúc Thị Liên	15.09.1983	Nữ	Hà Nội	3.28	Giỏi
60	20	8	197900C033	Nguyễn Thị Thanh Loan	08.03.1992	Nữ	Hà Nội	3.41	Giỏi
61	21	9	197900C034	Nguyễn Thị Nhung	29.03.1994	Nữ	Hà Nội	3.28	Giỏi
62	22	10	197900C036	Chu Thị Thư	24.04.1989	Nữ	Hà Nội	3.00	Khá
		6	Đại học Giáo dục Tiểu học K22B4 (Liên thông từ Cao đẳng)						
63	23	1	197900C570	Phùng Thị Mai	13.02.1990	Nữ	Hà Nội	3.33	Giỏi
64	24	2	197900C571	Phùng Văn Nên	28.05.1991	Nam	Hà Nội	3.22	Giỏi
65	25	3	197900C572	Đặng Hồng Phúc	22.04.1985	Nữ	Hà Nội	3.01	Khá
		7	Đại học Giáo dục Tiểu học K22C5 (Liên thông từ Cao đẳng)						
66	26	1	197900C780	Nguyễn Thị Kim Anh	21.01.1993	Nữ	Hà Nội	2.97	Khá
67	27	2	197900C781	Nguyễn Thùy Dung	05.04.1992	Nữ	Hà Nội	3.29	Giỏi
68	28	3	197900C782	Phạm Thị Hạnh	28.09.1982	Nữ	Hà Nội	3.09	Khá
69	29	4	197900C783	Phùng Thị Hạnh	15.07.1989	Nữ	Hà Nội	3.14	Khá
70	30	5	197900C784	Bùi Ngọc Hào	22.02.1990	Nữ	Hà Nội	3.23	Giỏi
71	31	6	197900C786	Nguyễn Thị Hậu	19.08.1987	Nữ	Hà Nội	3.27	Giỏi
72	32	7	197900C787	Nguyễn Thị Kim Lan	13.09.1993	Nữ	Hà Nội	3.35	Giỏi
73	33	8	197900C788	Hoàng Thị Minh	02.11.1987	Nữ	Hà Nội	3.03	Khá
74	34	9	197900C789	Chu Thị Phi	20.02.1988	Nữ	Hà Nội	3.11	Khá
75	35	10	197900C791	Phùng Thị Phương	01.10.1993	Nữ	Hà Nội	3.09	Khá
		8	Đại học Giáo dục Tiểu học K23A1 (Liên thông từ Cao đẳng)						
76	36	1	207900C049	Trần Thị Hà	01.01.1973	Nữ	Thanh Hoá	3.14	Khá
77	37	2	207900C013	Nguyễn Thị Huệ	10.05.1972	Nữ	Thanh Hoá	2.79	Khá
78	38	3	207900C024	Lê Thị Mai	09.04.1971	Nữ	Thanh Hoá	3.01	Khá
79	39	4	207900C069	Nguyễn Thị Ngọc	07.09.1992	Nữ	Hà Tĩnh	2.76	Khá
80	40	5	207900C028	Nguyễn Thị Phương	01.03.1974	Nữ	Thanh Hoá	2.74	Khá

TT	TT ngành	TT lớp	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
114	23	22	207101C026	Lò Văn Út	03.06.1983	Nam	Thanh Hoá	2.44	Trung bình
115	24	23	208101C031	Trịnh Văn Dũng	05.12.1966	Nam	Thanh Hoá	2.64	Khá
		IV	Đại học Sư phạm Vật lý - cấp bằng cử nhân Sư phạm Vật lý						
		1	Đại học Sư phạm Vật lý K23A (Liên thông từ Cao đẳng)						
116	1	1	207102C001	Lê Xuân Bắc	02.05.1977	Nam	Thanh Hoá	2.94	Khá
117	2	2	207102C002	Phạm Quang Cảnh	30.11.1987	Nam	Thanh Hoá	2.44	Trung bình
118	3	3	207102C003	Lê Sỹ Dũng	07.06.1980	Nam	Thanh Hoá	2.62	Khá
119	4	4	207102C004	Vi Văn Đức	04.04.1984	Nam	Thanh Hoá	2.88	Khá
120	5	5	207102C005	Lương Văn Hải	14.04.1975	Nam	Thanh Hoá	2.95	Khá
121	6	6	207102C006	Lê Thị Hải	27.05.1987	Nữ	Thanh Hoá	3.00	Khá
122	7	7	207102C008	Hồ Thị Thanh Mai	29.04.1987	Nữ	Thanh Hoá	3.15	Khá
123	8	8	207102C009	Lê Hoàng Nam	12.06.1988	Nam	Thanh Hoá	2.79	Khá
124	9	9	207102C010	Lê Hữu Nam	10.09.1977	Nam	Thanh Hoá	2.62	Khá
125	10	10	207102C011	Hà Thị Nhân	18.12.1986	Nữ	Thanh Hoá	2.87	Khá
126	11	11	207102C013	Lê Văn Sơn	25.10.1978	Nam	Thanh Hoá	2.65	Khá
127	12	12	207102C014	Lương Văn Tiệp	01.07.1987	Nam	Thanh Hoá	2.71	Khá
128	13	13	207102C015	Nguyễn Minh Toán	16.09.1977	Nam	Thanh Hoá	2.83	Khá
129	14	14	207102C016	Lê Văn Thế	07.12.1977	Nam	Thanh Hoá	2.68	Khá
130	15	15	207102C017	Hà Thị Xoan	26.08.1986	Nữ	Thanh Hoá	2.79	Khá
		V	Đại học Sư phạm Sinh học- cấp bằng cử nhân Sư phạm Sinh học						
		1	Đại học Sư phạm Sinh học K22D (Liên thông từ Cao đẳng)						
131	1	1	197300C810	Phạm Văn Năm	06.06.1980	Nam	Thanh Hoá	2.29	Trung bình
		VI	Đại học Giáo dục thể chất - cấp bằng cử nhân Giáo dục thể chất						
		1	Đại học Giáo dục Thể chất K22C (Liên thông từ Trung cấp)						
132	2	1	197902T601	Bùi Văn Ngân	20.08.1975	Nam	Thanh Hoá	2.57	Khá
		2	Đại học Giáo dục Thể chất K22D (Liên thông từ Trung cấp)						
133	3	1	197902T801	Nguyễn Văn Quyền	10.08.1980	Nam	Thanh Hoá	2.96	Khá
134	4	2	197902T802	Hà Công Tâm	10.10.1979	Nam	Thanh Hoá	2.72	Khá
135	5	3	197902T803	Nguyễn Văn Thương	05.04.1978	Nam	Thanh Hoá	2.27	Trung bình
		3	Đại học Giáo dục Thể chất K22C (Liên thông từ Cao đẳng)						
136	6	1	197902C606	Hoàng Đình Đoan	03.02.1967	Nam	Thanh Hoá	2.44	Trung bình
137	7	2	197902C607	Vũ Thị Hà	04.06.1972	Nữ	Thanh Hoá	2.96	Khá
138	8	3	197902C609	Bùi Thị Huyền	16.07.1978	Nữ	Thanh Hoá	2.76	Khá
139	9	4	197902C613	Trương Văn Loan	12.12.1981	Nam	Thanh Hoá	2.94	Khá
140	10	5	197902C614	Trần Xuân Minh	10.12.1975	Nam	Thanh Hoá	2.92	Khá
141	11	6	197902C615	Đỗ Giang Nam	21.04.1982	Nam	Thanh Hoá	2.20	Trung bình
142	12	7	197902C616	Mai Văn Nam	10.10.1980	Nam	Thanh Hoá	2.77	Khá

TT	TT ngành	TT lớp	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
143	13	8	197902C621	Lê Văn Quyền	10.08.1976	Nam	Thanh Hoá	2.64	Khá
144	14	9	197902C623	Bùi Xuân Tiến	01.05.1973	Nam	Thanh Hoá	3.19	Khá
145	15	10	197902C626	Nguyễn Chí Thắng	04.09.1969	Nam	Thanh Hoá	2.92	Khá
146	16	11	197902C627	Quách Văn Thiên	10.11.1980	Nam	Thanh Hoá	3.15	Khá
147	17	12	197902C631	Mai Thị Vinh	10.06.1975	Nữ	Thanh Hoá	2.95	Khá
148	18	13	197902C632	Đỗ Huy Vũ	10.02.1988	Nam	Thanh Hoá	2.81	Khá
		4	Đại học Giáo dục Thể chất K22D (Liên thông từ Cao đẳng)						
149	19	1	197902C801	Hoàng Thị Cúc	20.08.1975	Nữ	Thanh Hoá	3.33	Giỏi
150	20	2	197902C802	Mai Văn Chính	20.11.1983	Nam	Thanh Hoá	3.02	Khá
151	21	3	197902C803	Hoàng Văn Chùm	30.06.1983	Nam	Thanh Hoá	3.00	Khá
152	22	4	197902C809	Nguyễn Văn Định	17.11.1978	Nam	Thanh Hoá	2.97	Khá
153	23	5	197902C810	Hoàng Tân Định	13.07.1980	Nam	Thanh Hoá	3.09	Khá
154	24	6	197902C814	Nguyễn Văn Hiệp	07.03.1975	Nam	Thanh Hoá	2.90	Khá
155	25	7	197902C815	Phạm Văn Hiệu	02.01.1978	Nam	Thanh Hoá	2.50	Khá
156	26	8	197902C816	Đào Trung Hòa	09.12.1976	Nam	Thanh Hoá	2.66	Khá
157	27	9	197902C817	Nguyễn Trung Hoan	29.12.1974	Nam	Thanh Hoá	2.64	Khá
158	28	10	197902C818	Nguyễn Thế Hoàng	23.05.1982	Nam	Thanh Hoá	2.74	Khá
159	29	11	197902C819	Nguyễn Đức Hùng	04.01.1985	Nam	Thanh Hoá	3.02	Khá
160	30	12	197902C820	Nguyễn Trọng Hùng	23.06.1975	Nam	Thanh Hoá	2.34	Trung bình
161	31	13	197902C823	Ngô Quốc Hưng	15.09.1978	Nam	Thanh Hoá	2.47	Trung bình
162	32	14	197902C824	Nguyễn Văn Hưng	02.02.1975	Nam	Thanh Hoá	2.95	Khá
163	33	15	197902C825	Trần Thị Hương	15.10.1982	Nữ	Thanh Hoá	3.23	Giỏi
164	34	16	197902C839	Bùi Văn Tăng	30.08.1975	Nam	Thanh Hoá	2.51	Khá
165	35	17	197902C841	Đinh Đức Toàn	25.08.1977	Nam	Thanh Hoá	3.01	Khá
166	36	18	197902C842	Lê Văn Tuấn	04.02.1982	Nam	Thanh Hoá	2.87	Khá
167	37	19	197902C852	Nguyễn Thị Mai Trang	29.03.1989	Nữ	Thanh Hoá	2.46	Trung bình
168	38	20	197902C853	Nguyễn Văn Xuân	20.03.1976	Nam	Thanh Hoá	2.63	Khá
		VII	Đại học Xã hội học - cấp bằng cử nhân Xã hội học						
		1	Đại học Xã hội học K21C (Liên thông từ Trung cấp)						
169	1	1	187608T002	Lê Thị Hiền	02.09.1983	Nữ	Thanh Hoá	2.92	Khá
170	2	2	187608T003	Hà Văn Hoàng	06.06.1980	Nam	Thanh Hoá	2.86	Khá
171	3	3	187608T004	Lê Thị Thu Hương	12.07.1985	Nữ	Thanh Hoá	2.90	Khá
172	4	4	187608T006	Lò Thị Miên	04.02.1988	Nữ	Thanh Hoá	2.95	Khá
173	5	5	187608T007	Bùi Văn Sâm	12.09.1967	Nam	Thanh Hoá	2.61	Khá
174	6	6	187608T009	Lương Văn Toán	27.02.1967	Nam	Thanh Hoá	2.54	Khá
		2	Đại học Xã hội học K22A (Liên thông từ Trung cấp)						
175	7	1	197608T001	Lê Hoàng Hải	23.09.1990	Nam	Thanh Hoá	2.40	Trung bình

TT	TT ngành	TT lớp	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
176	8	2	197608T002	Vũ Đức Linh	19.09.1992	Nam	Thanh Hoá	2.33	Trung bình
177	9	3	197608T004	Lê Văn Tấn	18.08.1987	Nam	Thanh Hoá	2.48	Trung bình
		3	Đại học Xã hội học K21C (Liên thông từ Cao đẳng)						
178	10	1	187608C003	Nguyễn Thị Tâm	13.02.1974	Nữ	Thanh Hoá	2.60	Khá
		4	Đại học Xã hội học K22B (Liên thông từ Cao đẳng)						
179	11	1	197608C501	Lê Thị Giang	01.06.1984	Nữ	Thanh Hoá	2.97	Khá
180	12	2	197608C502	Phạm Thị Hòa	15.10.1986	Nữ	Thanh Hoá	2.90	Khá
181	13	3	197608C503	Trịnh Thị Hương	25.05.1982	Nữ	Thanh Hoá	2.89	Khá
182	14	4	197608C504	Phạm Thị Hồng Nga	01.02.1984	Nữ	Thanh Hoá	3.05	Khá
183	15	5	197608C505	Bùi Xuân Tứ	02.06.1980	Nam	Thanh Hoá	3.15	Khá
		VIII	Đại học Công nghệ Thông tin - cấp bằng Cử nhân Công nghệ thông tin						
		1	Đại học Công nghệ Thông tin K22D (Liên thông từ Trung cấp)						
184	1	1	197103T801	Trịnh Xuân Đại	01.10.1984	Nam	Thanh Hoá	2.59	Khá
		2	Đại học Công nghệ Thông tin K22D (Liên thông từ Cao đẳng)						
185	2	1	197103C809	Nguyễn Thị Mai	03.12.1983	Nữ	Thanh Hoá	2.41	Trung bình
186	3	2	197103C808	Nguyễn Văn Kiên	10.07.1982	Nam	Thanh Hoá	2.75	Khá
187	4	3	197103C812	Hoàng Thị Thương	19.05.1980	Nữ	Thanh Hoá	2.65	Khá
		3	Đại học Công nghệ Thông tin K23A (Liên thông từ Cao đẳng)						
188	5	1	207103C004	Uông Thị Duyên	20.12.1996	Nữ	Thanh Hoá	2.67	Khá
		4	Đại học Công nghệ Thông tin K22D (Văn bằng 2)						
189	6	1	199103V803	Lê Đình Lượng	10.10.1979	Nam	Thanh Hoá	2.74	Khá
190	7	2	199103V801	Nguyễn Ngọc Anh	29.08.1978	Nam	Thanh Hoá	2.55	Khá
191	8	3	199103V802	Nguyễn Đức Hậu	27.08.1994	Nam	Thanh Hoá	2.56	Khá
192	9	4	199103V805	Nguyễn Hữu Sơn	29.12.1978	Nam	Thanh Hoá	2.74	Khá
		IX	Đại học Kế toán - cấp bằng cử nhân Kế toán						
		1	Đại học Kế toán K20A (Liên thông từ Trung cấp)						
193	1	1	177401T002	Lê Ngọc Đa	20.01.1995	Nam	Thanh Hoá	2.58	Khá
		2	Đại học Kế toán K22D (Liên thông từ Trung cấp)						
194	2	1	197401T803	Lê Thị Hà	12.11.1980	Nữ	Thanh Hoá	2.67	Khá
195	3	2	197401T805	Trịnh Phi Hùng	25.04.1983	Nam	Thanh Hoá	2.88	Khá
		3	Đại học Kế toán K22B (Liên thông từ Cao đẳng)						
196	4	1	197401C510	Phạm Thu Huế	26.09.1997	Nữ	Thanh Hoá	2.95	Khá
		4	Đại học Kế toán K22D (Liên thông từ Cao đẳng)						
197	5	1	197401C802	Tào Thị Dung	30.10.1990	Nữ	Thanh Hoá	2.99	Khá
198	6	2	197401C806	Cao Thị Nhân	07.01.1998	Nữ	Thanh Hoá	2.55	Khá
199	7	3	197401C808	Nguyễn Thị Phụng	12.02.1990	Nữ	Thanh Hoá	2.57	Khá

TT	TT ngành	TT lớp	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
200	8	4	197401C813	Hoàng Thị Thuý	18.02.1984	Nữ	Thanh Hoá	2.90	Khá
		5	Đại học Kế toán K23A (Liên thông từ Cao đẳng)						
201	9	1	207401C001	Nguyễn Tuấn Anh	26.01.1996	Nam	Thanh Hoá	2.70	Khá
202	10	2	207401C004	Nguyễn Thị Hương	06.03.1993	Nữ	Thanh Hoá	2.64	Khá
203	11	3	207401C008	Lê Văn Long	10.12.1981	Nam	Thanh Hoá	2.75	Khá
204	12	4	207401C012	Trịnh Thị Nga	14.01.1991	Nữ	Thanh Hoá	2.97	Khá
205	13	5	207401C016	Cao Thị Thảo	20.10.1984	Nữ	Thanh Hoá	3.14	Khá
		6	Đại học Kế toán K21A (Văn bằng 2)						
206	14	1	189401V007	Mai Hồng Loan	06.03.1995	Nữ	Thanh Hoá	2.80	Khá
		7	Đại học Kế toán K22A (Văn bằng 2)						
207	15	1	199401V004	Phạm Thị Hòa	18.05.1996	Nữ	Thanh Hoá	3.24	Giỏi
		8	Đại học Kế toán K22B (Văn bằng 2)						
208	16	1	199401V507	Trịnh Ngọc Hân	15.09.1993	Nữ	Ninh Bình	3.11	Khá
		9	Đại học Kế toán K22C (Văn bằng 2)						
209	17	1	199401V601	Trịnh Thị Bình	27.03.1996	Nữ	Thanh Hoá	3.01	Khá
		X	Đại học Quản trị kinh doanh - cấp bằng cử nhân Quản trị kinh doanh						
		1	Đại học Quản trị kinh doanh K22B (Liên thông từ Trung cấp)						
210	1	1	197402T501	Phạm Việt Hà	05.01.1985	Nữ	Thanh Hoá	2.98	Khá
211	2	2	197402T503	Lê Trung Hiếu	04.04.1995	Nam	Thanh Hoá	3.07	Khá
212	3	3	197402T504	Lương Văn Túy	10.08.1986	Nam	Thanh Hoá	2.97	Khá
		2	Đại học Quản trị kinh doanh K21C (Liên thông từ Cao đẳng)						
213	4	1	187402C510	Nguyễn Văn Tiến	08.07.1986	Nam	Thanh Hoá	3.06	Khá
		3	Đại học Quản trị kinh doanh K19B (Văn bằng 2)						
214	5	1	169402V502	Vũ Mạnh Tường	19.10.1971	Nam	Thanh Hoá	2.61	Khá
		4	Đại học Quản trị kinh doanh K21C (Văn bằng 2)						
215	6	1	189402V525	Lê Đăng Nam	17.05.1977	Nam	Thanh Hoá	3.18	Khá
216	7	2	189402V522	Lê Hữu Khuê	09.12.1985	Nam	Thanh Hoá	2.93	Khá
		5	Đại học Quản trị kinh doanh K22C (Văn bằng 2)						
217	8	1	199402V602	Mai Văn Hùng	20.10.1966	Nam	Thanh Hoá	2.91	Khá
218	9	2	199402V603	Lê Trung Kiên	16.04.1979	Nam	Thanh Hoá	2.80	Khá
219	10	3	199402V605	Hoàng Đạt Tuấn	05.05.1994	Nam	Thanh Hoá	2.97	Khá
220	11	4	199402V606	Phạm Văn Thạo	01.02.1976	Nam	Thanh Hoá	2.81	Khá

TT	TT ngành	TT lớp	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại TN
		XI	Đại học Lâm học - cấp bằng cử nhân Lâm học						
		1	Đại học Lâm nghiệp K21C (Liên thông từ Trung cấp)						
221	1	1	187308T006	Trần Văn Tân	24.08.1979	Nam	Thanh Hoá	2.83	Khá
		B	Đào tạo Vừa làm vừa học - Hệ điểm 10						
		I	Đại học Quản trị kinh doanh - cấp bằng cử nhân Quản trị kinh doanh						
		1	Đại học Quản trị kinh doanh K17A (Từ THPT - VLVH)						
222	1	1	148402P001	Nguyễn Hoàng Anh	20.08.1995	Nam	Thanh Hoá	6.44	Trung bình khá

(Tổng số SV theo danh sách là 222 sinh viên)

Ghi chú:

- Xếp loại Giỏi: 35 sinh viên (chiếm 15.77%)
- Xếp loại Khá: 160 sinh viên (chiếm 72.07%)
- Xếp loại Trung bình khá: 01 sinh viên (chiếm 0.45%)
- Xếp loại Trung bình: 26 sinh viên (chiếm 11.71%)

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Văn Dũng